

DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN MỞ VÀ SINH VIÊN ĐĂNG KÝ

STT	Học phần	Mã HP	Bộ môn	TC	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Lớp
1	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	BN09M-026	Đặng Quang	Đại	HC10KXD.01
2	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK1051050005	Nguyễn Thị	Định	K46KTM.01
3	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0851040127	Tạ Công	Bằng	K44KXC.01
4	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK1051030288	Nguyễn Thanh	Bình	K46ĐĐK.02
5	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	HC10X-006	Nguyễn Mạnh	Cường	HC10KXD.01
6	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0951020081	Lê Ngọc	Cường	K46TĐH.02
7	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK1051030010	Nguyễn Xuân	Duy	K46ĐVT.01
8	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK1051030021	Phạm Trọng	Hùng	K46KMT.01
9	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0851020260	Ngô Quang	Huy	K46TĐH.03
10	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0951060127	Nguyễn Thế	Phương	K45SCK.01
11	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0951020473	Nguyễn Văn	Quảng	K46TĐH.04
12	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK1051030049	Nguyễn Hoàng	Sơn	K46ĐĐK.01
13	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	BN10M-034	Nguyễn Năng	Tùng	BN10CTM.01
14	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0951010825	Phạm Thanh	Tùng	K46KCK.01
15	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	DTK0851030217	Lê Anh	Tuấn	K45KĐT.01
16	Cơ lý thuyết 1	BAS201	Cơ học	2	VP10I-047	Nguyễn Văn	Vê	VP09TĐH.01
17	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	DTK1051010261	Nguyễn Việt	Đức	K46CCM.07
18	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	11110710698	Phạm Đức	Hữu	KSCLC07M
19	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	11110710627	Nguyễn Phi	Hùng	K43CCM.06
20	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	DTK1051010269	Nguyễn Thế	Hiển	K46CCM.06
21	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	11511020007	Nguyễn Tuấn	Linh	LT10 - KXC
22	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	DTK1051010283	Nguyễn Văn	Mạnh	K46CCM.01
23	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	DTK1051010915	Nguyễn Đình	Nhật	K46KCK.01
24	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	DTK1051010778	Tào Văn	Thái	K46CCM.02
25	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	BN10X-100	Đỗ Văn	Thành	BN10KXD.01
26	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	LK1151111426	Nguyễn Quang	Trọng	LTLK11 CDL
27	Cơ lý thuyết 2	BAS202	Cơ học	2	DTK1051010153	Trần Quang	Trung	K46CĐT.01
28	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK1051010019	Nguyễn Văn	Đào	K46CCM.05
29	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	0111051091	Nguyễn Quang	Cảnh	K41TDH.01
30	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK1051010332	Nguyễn Thành	Chung	K46CCM.06
31	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK0951020152	Tạ Quang	Doãn	K46ĐVT.01
32	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK0851020398	Nguyễn Xuân	Dũng	K45TĐH.07
33	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK1051070078	Trần Văn	Hành	K46QLC.01
34	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK1051030021	Phạm Trọng	Hùng	K46KMT.01
35	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	11110710483	Dương Văn	Hưng	K43CĐT.01
36	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK0951020388	Đinh Quang	Lâm	K46TĐH.03

37	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	11110710115	Nguyễn Hải	Long	K43CCM.01
38	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	11110710755	Nguyễn Tiến	Mạnh	K44CCM.03
39	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	TC09M-026	Nguyễn Trọng	Mạnh	TC09CTM.01
40	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK0851010486	Nguyễn Canh	Ngo	K46CCM.03
41	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	1141060043	Bùi Huy	Tùng	K45TDH.10
42	Các quá trình gia công	MEC202	Chế tạo máy	3	DTK1051070150	Đinh Văn	Trung	K46QLC.01
43	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	11511212003	Nguyễn Việt	Đức	LT12 CLK.01
44	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	DTK1051010003	Phùng Văn	Anh	K46KCK.01
45	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	11511212001	Nguyễn Tất	Anh	LT12 CLK.01
46	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	11511212002	Phạm Văn	Bình	LT12 CLK.01
47	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	11511212004	Trần ánh	Dương	LT12 CLK.01
48	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	DTK0951060160	Dương Mạnh	Hà	K46SCK.01
49	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	11511212009	Ngô Văn	Nghị	LT12 CLK.01
50	Kỹ thuật đo lường 2	MEC309	Chế tạo máy	2	DTK0951010825	Phạm Thanh	Tùng	K46KCK.01
51	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK1051010488	Phạm Văn	Cao	K46CCM.07
52	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	LK1151111102	Nguyễn Văn	Cừ	LTLK11 CTM
53	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	TC09M-020	Văn Tiến	Hùng	TC09CTM.01
54	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK0851010608	Nguyễn Xuân	Kiên	K45CCM.09
55	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	LK11511211044	Vũ Quang	Mạnh	LTLK12 CTM
56	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK0951010057	Phùng Công	Quyết	K46CCM.01
57	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK0951010211	Lô Bá	Thái	K45CCM.03
58	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK1051010778	Tào Văn	Thái	K46CCM.02
59	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK1051010539	Nguyễn Văn	Thân	K46CCM.01
60	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK0851010635	Nguyễn Văn	Thao	K45CCM.09
61	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	11511211040	Vy Văn	Thịnh	LT12 CTM.01
62	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	DTK1051010546	Phạm Thanh	Tùng	K46CCM.01
63	Máy Công cụ 1	MEC416	Chế tạo máy	4	11511011139	Trần Đình	Vượng	LT10 - CCM.01
64	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK1051010100	Nguyễn Văn	Đại	K46CCM.01
65	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	TC09M-012	Đinh Ngọc	Giang	TC09CTM.01
66	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	K46CCM.02
67	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK1051010202	Quách Đại	Lưu	K46CCM.04
68	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK0951010055	Trần Đức	Quân	K45CCM.01
69	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK0951010057	Phùng Công	Quyết	K46CCM.01
70	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK0951010668	Đặng Công	Tư	K46CCM.06
71	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK1051010866	Trương Quang	Trọng	K46CCM.07
72	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	BN10M-033	Trần Văn	Trường	BN10CTM.01
73	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	BN10M-018	Nguyễn Anh	Tuấn	BN10CTM.01
74	Tự động hoá gia công	MEC528	Chế tạo máy	3	DTK1051010719	Nguyễn Văn	Việt	K46CCM.03
75	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	1111060317	Nguyễn Mạnh	Cường	K42CCM.02

76	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	DTK1051010728	Nguyễn Mạnh	Cường	K46CCM.03
77	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	11110710627	Nguyễn Phi	Hùng	K43CCM.06
78	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	BN10M-023	Phan Văn	Hiếu	BN10CTM.01
79	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	11110710413	Nguyễn Quang	Huy	K43CCM.04
80	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	BN10M-014	Vũ Nguyên	Phương	BN10CTM.01
81	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	11510911175	Đỗ Văn	Thanh	LT09CCM.02
82	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	11110710453	Vũ Đăng	Tuấn	K43CCM.04
83	Máy công cụ 2	MEC553	Chế tạo máy	2	DTK1051010947	Nguyễn Trọng	Xuân	K46CCM.06
84	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	DTK0951040070	Hoàng Văn	Bảo	K45KXC.02
85	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	HC10X-015	Nguyễn Vũ	Dũng	HC10KXD.01
86	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	CN06X-018	Nguyễn Bá	Duy	CN06X
87	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	1122072033	Nguyễn Khắc	Hồng	TC07KXD.01
88	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	11511220005	Nông Văn	Huấn	LT12 KXC.01
89	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	1122072047	Trần Hoàng	Luân	TC07KXD.01
90	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	TC10X-023	Đào Ngọc	Tân	TC10KXD.02
91	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	BN08X-056	Ngô Xuân	Thùy	BN08KXD.01
92	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	11511120020	Phan Văn	Toàn	LT12 KXC.01
93	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	1122072063	Nguyễn Văn	Toàn	TC07KXD.01
94	Kinh tế xây dựng	FIM517	Giao thông	3	HC10X-081	Nguyễn Thị	Yến	HC10KXD.01
95	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	0971020003	Phùng Đức	Đạt	K1KD-HHT
96	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	1141070007	Giàng A	Chu	K45TĐH.10
97	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	1111061531	Hoàng Văn	Chung	CT42TĐH.01
98	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	DTK0951020244	Nguyễn Văn	Lưu	K46KTĐ.01
99	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	DTK0951020180	Phạm Quang	Ngọc	K45TĐH.04
100	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	DTK0851020523	Lưu Đức	Tường	K45TĐH.09
101	Hệ thống cung cấp điện	ELE414	Hệ thống Điện	4	DTK1051060034	Giáp Thị Thu	Trang	K46SKĐ.01
102	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020524	Trương Văn	Điện	K46HTĐ.02
103	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020430	Nguyễn Quốc	Đoàn	K46HTĐ.02
104	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020337	Lương Văn	Dương	K46HTĐ.02
105	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020338	Phạm Văn	Doanh	K46HTĐ.02
106	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020517	Trần Văn	Dũng	K46HTĐ.02
107	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	CN04Q027	Nguyễn Trường	Giang	CN04Q
108	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DN07I-012	Nguyễn Trường	Giang	DN07I-HTĐ
109	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020443	Nguyễn Văn	Hùng	K46HTĐ.02
110	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020549	Nguyễn Thế	Khoái	K46HTĐ.02
111	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020369	Hà Tuấn	Minh	K46HTĐ.02
112	Bảo vệ rơ le	ELE502	Hệ thống Điện	4	DTK1051020685	Tào Văn	Tuấn	K46HTĐ.02
113	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	TC09X-074	Phạm Quang	Hiển	TC09KXD.02
114	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	LC09X-036	Nguyễn Văn	Hợp	

115	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	HC10X-039	Nguyễn Thành	Luân	HC10KXD.01
116	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	HC10X-043	Đặng Duy	Mạnh	HC10KXD.01
117	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	LC09X-070	Vũ Văn	Sơn	LC09KXD.02
118	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	HC09X-033	Nguyễn Duy	Tân	HC09KXD.01
119	Kiến trúc dân dụng	FIM312	Kiến trúc	2	HC10X-077	Nguyễn Trung	Văn	HC10KXD.01
120	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	11511220001	Ngô Tuấn	Anh	LT12 KXC.01
121	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	TC09X-074	Phạm Quang	Hiển	TC09KXD.02
122	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	11511220005	Nông Văn	Huấn	LT12 KXC.01
123	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	DTK0951040039	Tường Duy	Nam	K45KXC.01
124	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	DTK0951040113	Phùng Minh	Quyết	K46KXC.02
125	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	11511220010	Lại Viết	Quyết	LT12 KXC.01
126	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	11511220011	Nguyễn Văn	Sơn	LT12 KXC.01
127	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	HC09X-033	Nguyễn Duy	Tân	HC09KXD.01
128	Quy hoạch đô thị	FIM313	Kiến trúc	2	11511220012	Nguyễn Văn	Thái	LT12 KXC.01
129	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	HC10X-002	Tô Tiến Nguyên	Anh	HC10KXD.01
130	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	11511120001	Trần Hùng	Cường	LT12 KXC.01
131	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	LC09X-101	Lê Đình	Dũng	LC09KXD.02
132	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	11511120006	Hoàng Quốc	Hưởng	LT12 KXC.01
133	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	HB10X-025	Ngô Văn	Huỳnh	HB10KXD.01
134	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	HC10X-043	Đặng Duy	Mạnh	HC10KXD.01
135	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	BK10X-062	Ma Doãn	Quang	BK10KXD.01
136	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	BK10X-064	Phan Công	Quý	BK10KXD.01
137	Vật lý kiến trúc	FIM317	Kiến trúc	2	11511120020	Phan Văn	Toán	LT12 KXC.01
138	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	BN10X-123	Lê Quang	Độ	BN10KXD.01
139	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	TC10X-040	Mai Quý	Diệp	TC10KXD.02
140	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	DTK0951040070	Hoàng Văn	Bảo	K45KXC.02
141	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	HC09X-012	Vũ Viết Trung	Dũng	HC09KXD.01
142	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	TC09X-074	Phạm Quang	Hiển	TC09KXD.02
143	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	TC09X-076	Nguyễn Đức	Hòa	TC09KXD.02
144	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	BN09X-079	Nguyễn Bá	Tĩnh	BN09KXD.01
145	Cơ học Kết cấu 1	FIM415	Kiến trúc	3	HC09X-033	Nguyễn Duy	Tân	HC09KXD.01
146	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	HC10X-002	Tô Tiến Nguyên	Anh	HC10KXD.01
147	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	11511220004	Nguyễn Bá	Huân	LT12 KXC.01
148	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	1122072047	Trần Hoàng	Luân	TC07KXD.01
149	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	HC10X-043	Đặng Duy	Mạnh	HC10KXD.01
150	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	DTK0951040039	Tường Duy	Nam	K45KXC.01
151	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	LC09X-057	Nguyễn Hoài	Nam	LC09KXD.02
152	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	BK10X-064	Phan Công	Quý	BK10KXD.01
153	Động lực học công trình	FIM421	Kiến trúc	2	BN09X-070	Phạm Văn	Thắng	BN09KXD.01

154	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010011	Vũ Đình	Đăng	K1KC-HHT
155	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051030225	Vũ Đình	Đại	K46ĐĐK.01
156	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010084	Nguyễn Đăng	Đạt	K1KC-HHT
157	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010018	Nguyễn Đức	Đoàn	K1KC-HHT
158	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010020	Nguyễn Minh	Đức	K1KC-HHT
159	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	VP08M-014	Nguyễn Văn	Đức	VP08CTM.01
160	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0111051091	Nguyễn Quang	Cảnh	K41TDH.01
161	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951060005	Hà Xuân	Cảnh	K46SCK.01
162	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	HP09M-010	Đào Hoàng	Giang	HP09CTM.01
163	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051010424	Nguyễn Văn	Hà	K46CCM.04
164	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	11511120006	Hoàng Quốc	Hưởng	LT12 KXC.01
165	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010036	Hoàng Đức	Hùng	K1KC-HHT
166	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	TC09I-033	Trần Văn	Hùng	TC09TDH.01
167	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051010351	Mã Văn	Hiếu	K46CCM.07
168	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	11110710483	Dương Văn	Hung	K43CĐT.01
169	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0851020260	Ngô Quang	Huy	K46TĐH.03
170	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010042	Bùi Văn	Liêm	K1KC-HHT
171	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051030246	Vũ Bình	Luật	K46ĐĐK.02
172	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051010603	Trương Văn	Mạnh	K46CCM.07
173	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951030342	Tạ Văn	Minh	K46ĐVT.01
174	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	HC10X-046	Bùi Văn	Nghiêm	HC10KXD.01
175	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051010048	Lương Văn	Phương	K46CCM.04
176	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010056	Nguyễn Hữu	Quảng	K1KC-HHT
177	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951020120	Vũ Văn	Tâm	K46KTĐ.01
178	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0851040050	Hoàng Văn	Tân	K45KXC.02
179	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051010702	Tống Văn	Thao	K46CCM.07
180	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051020676	Nguyễn Duy	Tùng	K46KTĐ.01
181	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010074	Nguyễn Quốc	Trưởng	K1KC-HHT
182	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	HP09M-034	Hoàng Văn	Trực	HP09CTM.01
183	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	HP09M-035	Vũ Minh	Tuấn	HP09CTM.01
184	Kỹ thuật thủy khí	BAS203	Kỹ thuật ô tô	2	0971010077	Nguyễn Ngọc	Tuấn	K1KC-HHT
185	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051020427	Nguyễn Vũ	Đại	K46KTĐ.01
186	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0851010672	Nguyễn Văn	Đạt	K44CCM.06
187	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0851010160	Đặng Công Kan	Đan	K45CĐT.01
188	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	BN10X-123	Lê Quang	Độ	BN10KXD.01
189	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	VP08M-014	Nguyễn Văn	Đức	VP08CTM.01
190	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	HC10X-008	Nguyễn Tăng	Danh	HC10KXD.01
191	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051020259	Bùi Văn	Dũng	K46HTĐ.01
192	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051020341	Lương Văn	Dũng	K46HTĐ.02

193	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	HB09X-016	Bùi Văn	Duy	HB09KXD.01
194	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	HP09M-015	Vũ Trọng	Huỳnh	HP09CTM.01
195	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951020602	Bùi Huy	Khởi	K46TĐH.01
196	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	BK10X-046	Nguyễn Văn	Lâm	BK10KXD.01
197	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	HP09M-021	Nguyễn Hữu	Lược	HP09CTM.01
198	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	1141100005	Lờ Lao	Lử	K46HTĐ.01
199	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951010781	Nguyễn Đức	Long	K46CCM.07
200	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051050022	Hoàng Thị	Phượng	K46KTM.01
201	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	BK10X-062	Ma Doãn	Quang	BK10KXD.01
202	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	BK10X-064	Phan Công	Quý	BK10KXD.01
203	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	HP09M-028	Nguyễn Thái	Sơn	HP09CTM.01
204	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951030371	Nguyễn Văn	Thành	K46KĐT.02
205	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	BN09X-077	Vũ Trọng	Thuấn	BN09KXD.01
206	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0951030285	Nguyễn Công	Thuyết	K46ĐĐK.02
207	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK0851020224	Hoàng Anh	Tùng	K45HTĐ.01
208	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051020396	Dương Thanh	Tùng	K46TBD.01
209	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	11110750061	Nguyễn Văn	Tiền	K43KMT.01
210	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	DTK1051030272	Hoàng Khắc	Tiến	K46ĐĐK.02
211	Kỹ thuật nhiệt	BAS204	Kỹ thuật ô tô	2	11110710745	Võ Quốc	Toàn	K45CCM.03
212	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	11511241004	Nguyễn Văn	Cường	LTLK12 TĐH
213	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	1141070007	Giàng A	Chu	K45TĐH.10
214	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	DTK1051020338	Phạm Văn	Doanh	K46HTĐ.02
215	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	DTK0851030086	Đỗ Mạnh	Duyệt	K45ĐĐK.01
216	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	11511241022	Đỗ Văn	Minh	LTLK12 TĐH
217	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	11511241027	Lê Thế	Quân	LTLK12 TĐH
218	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	HC09I-147	Lư Mạnh	Sỹ	HC09TĐH.01
219	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	DTK0851020141	Lương Quang	Thiệt	K45HTĐ.01
220	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	11110750061	Nguyễn Văn	Tiền	K43KMT.01
221	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	HC09I-161	Phạm Tiến	Trọng	HC09TĐH.01
222	Kỹ thuật điện tử số	TEE302	Kỹ thuật Điện tử	2	DTK1051020685	Tào Văn	Tuấn	K46HTĐ.02
223	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	DTK0951020718	Trần Tuấn	Anh	K45TĐH.02
224	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	DTK1051030288	Nguyễn Thanh	Bình	K46ĐĐK.02
225	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	DTK0951020435	Đoàn Văn	Chiến	K46TĐH.03
226	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	11511251002	Đoàn Huy	Dũng	LT12 DVT.01
227	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	DTK0951060179	Trần Thị	Kiều	K46SKT.01
228	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	DTK0951020626	Nguyễn Văn	Thành	K45TĐH.10
229	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	11110750061	Nguyễn Văn	Tiền	K43KMT.01
230	Kỹ thuật điện tử tương tự	TEE303	Kỹ thuật Điện tử	3	DTK0851030217	Lê Anh	Tuấn	K45KĐT.01
231	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BN09M-026	Đặng Quang	Đại	HC10KXD.01

232	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	VP09M-006	Vương Văn	Đạt	VP09CTM.01
233	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	DTK0851010160	Đặng Công Kan	Đan	K45CĐT.01
234	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	LC09X-001	Hoàng Ngọc	Anh	LC09KXD.02
235	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BK10X-008	Nông Ngân	Bình	BK10KXD.01
236	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	DTK1051070104	Lê Thị	Ngọc	K47QLC.01
237	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	TC083102029	Nguyễn Thị	Nghiep	TC08KXD.01
238	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	HC09X-027	Nguyễn Văn	Nhất	HC09KXD.01
239	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BK10X-062	Ma Doãn	Quang	BK10KXD.01
240	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BK10X-064	Phan Công	Quý	BK10KXD.01
241	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	DTK1051040132	Lê Khả	Sơn	K46KXC.01
242	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	LC09X-070	Vũ Văn	Sơn	LC09KXD.02
243	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BK10X-077	Hoàng Vũ	Thư	BK10KXD.01
244	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BN10X-100	Đỗ Văn	Thành	BN10KXD.01
245	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	VP09M-039	Vũ Văn	Thịnh	VP09CTM.01
246	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	HC09X-041	Vũ Đức	Trình	HC09KXD.01
247	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	DTK1051070144	Đồng Thị	Trang	K46KTN.01
248	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	DTK1051070150	Đinh Văn	Trung	K46QLC.01
249	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	BK10X-092	Đoàn Văn	Tuân	BK10KXD.01
250	Kỹ thuật điện đại cương	ELE202	Kỹ thuật điện	3	DTK0951010893	Trần Văn	Tuấn	K46CCM.07
251	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	HP09I-102	Nguyễn Tuấn	Cường	HP09HTĐ.01
252	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK0851020336	Vũ Duy	Dũng	K44TĐH.04
253	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK0951020244	Nguyễn Văn	Lưu	K46KTĐ.01
254	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK0951020251	Hoàng Thanh	Phong	K46TĐH.03
255	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK1051030413	Hà Hải	Quân	K46KĐT.02
256	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	11511241027	Lê Thế	Quân	LTLK12 TĐH
257	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK1051020134	Nguyễn Linh	Quyên	K46TĐH.01
258	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	11511241035	Nguyễn Nam	Thanh	LTLK12 TĐH
259	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK1051020239	Trần Văn	Trường	K46TĐH.02
260	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK0951020278	Nguyễn Văn	Tuấn	K46TĐH.03
261	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2	ELE302	Kỹ thuật điện	3	DTK0951020643	Nguyễn Quốc	Văn	K45TĐH.10
262	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051020180	Hoàng Tiến	Đàm	K46TĐĐ.01
263	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
264	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010261	Nguyễn Việt	Đức	K46CCM.07
265	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK0951010457	Nguyễn Ngọc	An	K45CLK.01
266	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	HP09M-008	Phạm Tiến	Dũng	HP09CTM.01
267	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	TC09X-023	Lương Khắc	Giới	TC09KXD.02
268	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	TC09X-039	Phan Quốc	Huynh	TC09KXD.02
269	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	11110710109	Đinh Xuân	Khải	K43KCK.01
270	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK0851010608	Nguyễn Xuân	Kiên	K45CCM.09

271	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	11511020007	Nguyễn Tuấn	Linh	LT10 - KXC
272	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010045	Đổng Canh	Ngô	K46CCM.07
273	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	TC09X-047	Đào Kim	Quý	TC09KXD.02
274	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010533	Hoàng Anh	Sơn	K46CCM.02
275	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010454	Phạm Hùng	Sơn	K46CCM.07
276	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	TC09X-059	Nguyễn Thị Hà	Thương	TC09KXD.02
277	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051030272	Hoàng Khắc	Tiến	K46ĐĐK.02
278	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	11511011116	Trần Minh	Trung	LT10 - CCM.02
279	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK0851020463	Trần Văn	Tuấn	K45TĐH.02
280	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	HP09M-036	Nguyễn Hữu	Tuyên	HP09CTM.01
281	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051020246	Phạm Quang	Vinh	K46KTĐ.01
282	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010799	Thăm Thế	Việt	K46CCM.05
283	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010160	Trần Văn	Việt	K46KCK.01
284	Nhiệt động lực học	BAS301	Kỹ thuật máy động lực	3	DTK1051010947	Nguyễn Trọng	Xuân	K46CCM.06
285	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	VP10I-002	Hoàng Tuấn	Anh	VP09TĐH.01
286	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	LC09X-021	Nguyễn Tiến	Hà	LC09KXD.02
287	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	TC09M-020	Văn Tiến	Hùng	TC09CTM.01
288	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	BN10I-108	Nguyễn Văn	Hiển	BN10HTĐ.01
289	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	BN09I-120	Nguyễn Thị	Hòa	BN09HTĐ.01
290	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	TC09I-026	Nguyễn Công	Huân	TC09TĐH.01
291	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	TC10X-058	Nguyễn Khắc	Khiêm	TC10KXD.02
292	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	BS09I-014	Đào Văn	Lý	VP09CTM.01
293	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	BN10X-028	Đinh Đức Quang	Nguyễn	BN10KXD.01
294	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	TC09I-049	Nguyễn Trúc	Quyết	TC09TĐH.01
295	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	BN10X-095	Trần Danh	Sơn	BN10KXD.01
296	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	TC09I-051	Phạm Hoài	Sơn	TC09TĐH.01
297	Môi trường và Con người	FIM101	Kỹ thuật môi trường	2	TC09I-072	Ngô Phúc	Vinh	TC09TĐH.01
298	Thí nghiệm ngành Kỹ thuật môi trường	LAB520	Kỹ thuật môi trường	2	DTK0851050023	Phạm Duy	Hiếu	K45KTM.01
299	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí		DTK0851030236	Ngô Duy	Đệ	K46ĐĐK.01
300	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951030076	Nguyễn Tuấn	Anh	K46ĐĐK.01
301	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010003	Phùng Văn	Anh	K46KCK.01
302	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	11511220001	Ngô Tuấn	Anh	LT12 KXC.01
303	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0851040127	Tạ Công	Bằng	K44KXC.01
304	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051030005	Trần Hồng	Cương	K46KĐT.01
305	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951060005	Hà Xuân	Cảnh	K46SCK.01
306	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	1111061531	Hoàng Văn	Chung	CT42TĐH.01
307	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951020152	Tạ Quang	Doãn	K46ĐVT.01
308	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951020514	Nguyễn Đình	Dũng	K46TĐH.04
309	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	K46CLK.01

310	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951030019	Lương Văn	Hải	K46KĐT.01
311	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010267	Phạm Đình	Hưởng	K46CĐT.01
312	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051030021	Phạm Trọng	Hùng	K46KMT.01
313	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0851020418	Đỗ Duy	Hưng	K45TĐH.08
314	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010597	Nguyễn Vũ	Khôi	K46CCM.05
315	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	11110710109	Đinh Xuân	Khải	K43KCK.01
316	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951060180	Trần Thị	Lân	K46SKT.01
317	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	0971020009	Phạm Đình	Liêm	K46KTĐ.01
318	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	11511020007	Nguyễn Tuấn	Linh	LT10 - KXC
319	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010283	Nguyễn Văn	Mạnh	K46CCM.01
320	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051020555	Lê Ngọc	Mạnh	K46KTĐ.01
321	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951010422	Chu Đức	Phong	K46CĐL.01
322	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	11511220011	Nguyễn Văn	Sơn	LT12 KXC.01
323	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010616	Thân Nhân	Tân	K46CCM.05
324	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951030048	Nguyễn Bá	Tài	K45ĐVT.01
325	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051020309	Nguyễn Văn	Thêm	K46TĐH.03
326	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951030209	Trần Văn	Thức	K45ĐĐK.02
327	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	11511220013	Nguyễn Văn	Tối	LT12 KXC.01
328	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0851020224	Hoàng Anh	Tùng	K45HTĐ.01
329	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0851060032	Nguyễn Thanh	Tùng	K46SKT.01
330	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951010370	Dương Công	Triệu	K46CCM.03
331	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010153	Trần Quang	Trung	K46CĐT.01
332	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0851030357	Trần Văn	Tuấn	K45KMT.01
333	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051020326	Diệp Thị	Tuyết	K46TĐH.03
334	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951020643	Nguyễn Quốc	Văn	K45TĐH.10
335	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK0951030220	Nguyễn Văn	Vi	K45ĐĐK.02
336	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010239	Hoàng Văn	Viên	K46CĐT.01
337	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051020246	Phạm Quang	Vinh	K46KTĐ.01
338	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010160	Trần Văn	Việt	K46KCK.01
339	Cơ học Chất lỏng	BAS401	Kỹ thuật thủy khí	3	DTK1051010947	Nguyễn Trọng	Xuân	K46CCM.06
340	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951060081	Lê Tuấn	Bình	K46SCK.01
341	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051010728	Nguyễn Mạnh	Cường	K46CCM.03
342	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051010332	Nguyễn Thành	Chung	K46CCM.06
343	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	TC09M-012	Đinh Ngọc	Giang	TC09CTM.01
344	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	K46CCM.02
345	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951060178	Hoàng Văn	Khu	K46SCK.01
346	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051010281	Nguyễn Văn	Linh	K46CCM.07
347	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951010877	Nguyễn Tiến	Quân	K46CCM.07
348	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951010649	Hạng Văn	Quyên	K46CVL.01

349	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951010370	Dương Công	Triệu	K46CCM.03
350	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951010588	Dương Sơn	Trung	K45CCM.06
351	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	0971010082	Ngô Văn	Tuấn	K1KC-HHT
352	Máy nâng chuyển	MEC301	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951010828	Phạm Quang	Vũ	K45CCM.09
353	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
354	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051020253	Nguyễn Văn	Chường	K46HTĐ.01
355	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0851020168	Trần Thiện	Chiến	K45TĐH.04
356	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951030019	Lương Văn	Hải	K46KĐT.01
357	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051030162	Nguyễn Thái	Học	K46KĐT.01
358	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051030023	Trịnh Quang	Hợp	K46ĐĐK.01
359	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051030240	Vũ Đức	Huỳnh	K46KĐT.02
360	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951020455	Nguyễn Tùng	Linh	K46TĐH.04
361	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051020123	Nguyễn Văn	Mạnh	K46KTĐ.01
362	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051020555	Lê Ngọc	Mạnh	K46KTĐ.01
363	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951020043	Nguyễn Thị	Nghĩa	K46TĐH.01
364	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK1051030186	Hoàng Thanh	Phong	K46KĐT.01
365	Các hệ thống cơ khí	MEC320	Kỹ thuật vật liệu	2	DTK0951020473	Nguyễn Văn	Quảng	K46TĐH.04
366	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010019	Nguyễn Văn	Đào	K46CCM.05
367	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211002	Dương Chính	Anh	LTLK12 CTM
368	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211010	Lê Đức	Cương	LTLK12 CTM
369	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK0951010535	Triệu Tiến	Cường	K45CCM.06
370	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211011	Lê Đức	Cường	LTLK12 CTM
371	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010733	Đoàn Văn	Dương	K46CCM.06
372	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	11511212005	Vũ Hà	Giang	LT12 CLK.01
373	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211020	Bùi Hoàng	Giang	LTLK12 CTM
374	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	HP06M-019	Nguyễn Mạnh	Hà	HP06M
375	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	K46CCM.02
376	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010512	Đỗ Văn	Hưng	K46CCM.07
377	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK0851060088	Lý Hoàng	Hưng	K46SCK.01
378	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211030	Đinh Văn	Hưng	LTLK12 CTM
379	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211033	Thần Văn	Hưng	LTLK12 CTM
380	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010036	Hòa Quang	Huy	K46CCM.04
381	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211040	Hoàng Minh	Lợi	LTLK12 CTM
382	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051060020	Trần Diệu	Linh	K46SCK.01
383	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211044	Vũ Quang	Mạnh	LTLK12 CTM
384	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010915	Nguyễn Đình	Nhật	K46KCK.01
385	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK0951010057	Phùng Công	Quyết	K46CCM.01
386	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211054	Vũ Trảng	Sâm	LTLK12 CTM
387	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010616	Thần Nhân	Tân	K46CCM.05

388	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211055	Nguyễn Trọng	Tài	LTLK12 CTM
389	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	LK11511211057	Bùi Toàn	Thắng	LTLK12 CTM
390	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010475	Nguyễn Duy	Tuấn	K46CCM.06
391	Công nghệ Chế tạo phổi	MEC407	Kỹ thuật vật liệu	3	DTK1051010799	Thắm Thế	Việt	K46CCM.05
392	LAB301 - B2	L301B2	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
393	LAB301 - B3	L301B3	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
394	LAB301 - D1	L301D1	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
395	LAB301 - P1	L301P1	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
396	LAB302 - K1	L302K1	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	DTK0851020523	Lưu Đức	Tường	K45TĐH.09
397	LAB302 - M2	L302M2	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	DTK1051030278	Phạm Văn	Tuấn	K46KĐT.01
398	LAB302 - MD1	L302MD	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	1141070029	Đinh Văn	Ngọc	K46TĐH.04
399	LAB302 - MD1	L302MD	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	DTK1051020663	Lương Văn	Sơn	K46TĐH.02
400	LAB302 - T1	L302T1	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	DTK1051020044	Nguyễn Văn	Ngọc	K46HTĐ.01
401	LAB302 - T1	L302T1	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	DTK1051030050	Lê Văn	Tư	K46ĐĐK.01
402	LAB302 - T1	L302T1	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	0	DTK1051030278	Phạm Văn	Tuấn	K46KĐT.01
403	Thực hành vi điều khiển - Điều khiển số	LAB409	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	1	DTK0951020150	Phạm Văn	Cường	K1 CN-ĐĐT.03
404	Thực hành vi điều khiển - Điều khiển số	LAB409	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	1	DTK1051010152	Hoàng Hữu	Trường	K46KCK.01
405	Thực hành điều khiển logic khả trình	LAB410	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	1	DTK0951020150	Phạm Văn	Cường	K1 CN-ĐĐT.03
406	Thực hành điều khiển logic khả trình	LAB410	Phòng Thí nghiệm Điện, Điện tử	1	DTK1051010152	Hoàng Hữu	Trường	K46KCK.01
407	LAB101 - H1	L101H1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051010160	Trần Văn	Việt	K46KCK.01
408	LAB101 - H2	L101H2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051010160	Trần Văn	Việt	K46KCK.01
409	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050005	Nguyễn Thị	Định	K46KTM.01
410	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051030147	Hoàng Văn	Bình	K46ĐĐK.01
411	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050011	Hồ Thị	Hoàn	K46KTM.01
412	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050017	Nguyễn Thị Phương	Mận	K46KTM.01
413	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051030181	Dương Tiến	Ngọc	K46ĐĐK.01
414	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050021	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	K46KTM.01
415	LAB101 - L1(Thủy lực 1)	L101L1	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050022	Hoàng Thị	Phượng	K46KTM.01
416	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050005	Nguyễn Thị	Định	K46KTM.01
417	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051030147	Hoàng Văn	Bình	K46ĐĐK.01
418	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050011	Hồ Thị	Hoàn	K46KTM.01
419	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050017	Nguyễn Thị Phương	Mận	K46KTM.01
420	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051030181	Dương Tiến	Ngọc	K46ĐĐK.01
421	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050021	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	K46KTM.01
422	LAB101 - L2(Thủy lực 2)	L101L2	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051050022	Hoàng Thị	Phượng	K46KTM.01
423	LAB101 - L3	L101L3	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	0	DTK1051030181	Dương Tiến	Ngọc	K46ĐĐK.01
424	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK0951060081	Lê Tuấn	Bình	K46SCK.01
425	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	CN06X-001	Phạm Ngọc	Bảo	TC08KXD.01
426	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051010726	Hoàng Kim	Bốn	K46CCM.07

427	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051030294	Vũ Thúy	Diệp	K46KMT.01
428	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	TC09M-012	Đinh Ngọc	Giang	TC09CTM.01
429	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051010109	Trần Văn	Hùng	K46KCK.01
430	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường		11110710409	Dương Đức	Hoàng	K43CĐT.01
431	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK0951010221	Nguyễn Văn	Tinh	K45CCM.03
432	Thí nghiệm cơ bản	LAB101	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK0951020560	Chu Văn	Tiến	K46TĐH.04
433	Thí nghiệm chuyên môn ngành CK CTM	LAB502	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051010726	Hoàng Kim	Bốn	K46CCM.07
434	Thí nghiệm chuyên môn ngành CK CTM	LAB502	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051010202	Quách Đại	Lưu	K46CCM.04
435	Thí nghiệm chuyên môn ngành CK CTM	LAB502	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051010541	Thân Văn	Thắng	K46CCM.06
436	Thí nghiệm chuyên môn ngành CK CTM	LAB502	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051010463	Trịnh Xuân	Thuởng	K46CCM.02
437	Thí nghiệm chuyên môn ngành Tự động hóa	LAB517	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK1051020022	Dương Minh	Hảo	K46TĐH.01
438	Thí nghiệm chuyên môn ngành Tự động hóa	LAB517	Phòng thí nghiệm KHCN và Môi Trường	1	DTK0851020447	Nguyễn Văn	Thức	K44TĐH.05
439	LAB401 - CT	L401CT	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	0	DTK0851010486	Nguyễn Canh	Ngô	K46CCM.03
440	LAB401 - NL	L401NL	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	0	LK1151111426	Nguyễn Quang	Trọng	LTLK11 CDL
441	LAB401 - S2	L401S2	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	0	LK1151111426	Nguyễn Quang	Trọng	LTLK11 CDL
442	LAB401 - V1	L401V1	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	0	LK1151111426	Nguyễn Quang	Trọng	LTLK11 CDL
443	LAB401 - V2	L401V2	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	0	LK1151111426	Nguyễn Quang	Trọng	LTLK11 CDL
444	Thí nghiệm cơ sở cơ khí	LAB306	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	2	11511212003	Nguyễn Việt	Đức	LT12 CLK.01
445	Thí nghiệm cơ sở cơ khí	LAB306	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	2	11511212005	Vũ Hà	Giang	LT12 CLK.01
446	Thí nghiệm cơ sở cơ khí	LAB306	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	2	11511212007	Nguyễn Văn	Hiệu	LT12 CLK.01
447	Thí nghiệm cơ sở cơ khí	LAB306	Phòng TN Cơ khí, Vật liệu,ĐL,XD	2	11511212011	Long Văn	Tươi	LT12 CLK.01
448	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện		DTK0851030236	Ngô Duy	Đệ	K46ĐĐK.01
449	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	11110760107	Trương Hồng	Bắc	K46SKĐ.01
450	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951020514	Nguyễn Đình	Dũng	K46TĐH.04
451	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951020011	Phùng Quang	Hà	K46TĐH.01
452	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK1051020628	Hoàng Trọng	Hướng	K46TĐH.02
453	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK1051020107	Lý Văn	Hiển	K46KTĐ.01
454	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK1051030023	Trịnh Quang	Hợp	K46ĐĐK.01
455	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0851020418	Đỗ Duy	Hưng	K45TĐH.08
456	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951020168	Vũ Duy	Kiểm	K46TĐH.02
457	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	0971020009	Phạm Đình	Liêm	K46KTĐ.01
458	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK1051020123	Nguyễn Văn	Mạnh	K46KTĐ.01
459	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	11110710496	Nguyễn Hữu	Mẫn	K45TĐH.10
460	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	1111061205	Nguyễn Quang	Quân	K42TĐH.05
461	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	VY08I-043	Đỗ Xuân	Quang	VY08I-TĐH
462	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK1051030050	Lê Văn	Tư	K46ĐĐK.01
463	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951020120	Vũ Văn	Tâm	K46KTĐ.01
464	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951020626	Nguyễn Văn	Thành	K45TĐH.10
465	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK1051020145	Nguyễn Văn	Thọ	K46KTĐ.01

466	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0851020141	Lương Quang	Thiết	K45HTĐ.01
467	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951030285	Nguyễn Công	Thuyết	K46ĐĐK.02
468	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0851020300	Nguyễn Thái	Trung	K45TĐH.07
469	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951030141	Lý Quang	Trung	K46ĐĐK.01
470	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0851020463	Trần Văn	Tuấn	K45TĐH.02
471	Máy điện	ELE304	Thiết bị điện	4	DTK0951030220	Nguyễn Văn	Vi	K45ĐĐK.02
472	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	0971020003	Phùng Đức	Đạt	K1KD-HHT
473	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện		DTK0851030236	Ngô Duy	Đệ	K46ĐĐK.01
474	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051030365	Nguyễn Tuấn	Anh	K46ĐĐK.02
475	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	11110760107	Trương Hồng	Bắc	K46SKĐ.01
476	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	BN10I-135	Nguyễn Mạnh	Cường	BN10HTĐ.01
477	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051020341	Lương Văn	Dũng	K46HTĐ.02
478	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051020628	Hoàng Trọng	Hướng	K46TĐH.02
479	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK0851030104	Đặng Đức	Khánh	K45ĐĐK.01
480	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	0971020009	Phạm Đình	Liêm	K46KTĐ.01
481	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051030400	Phan Văn	May	K46KĐT.02
482	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051030185	Nguyễn Văn	ứng	K46KĐT.01
483	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	1111061205	Nguyễn Quang	Quân	K42TĐH.05
484	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK0851020515	Nguyễn Đức	Quân	K45HTĐ.01
485	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051020134	Nguyễn Linh	Quyên	K46TĐH.01
486	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK0951020338	Vũ Đình	Thành	K45TĐH.06
487	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051030342	Nguyễn Đức	Thành	K46KĐT.02
488	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK1051030349	Hoàng Ngọc	Thụ	K46KĐT.02
489	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK0951030285	Nguyễn Công	Thuyết	K46ĐĐK.02
490	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	BN10I-159	Trần Anh	Tuấn	BN10HTĐ.01
491	Vật liệu- khí cụ điện	ELE403	Thiết bị điện	3	DTK0951020644	Trần Bảo	Việt	K46TĐH.01
492	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	HP09I-102	Nguyễn Tuấn	Cường	HP09HTĐ.01
493	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	YB09X-004	Đặng Ngọc	Chiến	YB09KXD.01
494	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	HB09X-014	Quách Văn	Dũng	HB09KXD.01
495	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	TC083104012	Phạm Ngọc	Duy	TC09KXD.02
496	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051070012	Nguyễn Thị Hiền	Hà	K46KTN.01
497	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	11110750167	Nguyễn Đăng	Hải	K43KMT.01
498	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	0971010036	Hoàng Đức	Hùng	K1KC-HHT
499	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	TC10I-004	Nguyễn Hồng	Hiệp	YB09TĐH.01
500	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí		11110710409	Dương Đức	Hoàng	K43CĐT.01
501	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	BN09I-028	Nguyễn Trọng	Huy	BN09TĐH.01
502	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951060179	Trần Thị	Kiểu	K46SKT.01
503	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051020555	Lê Ngọc	Mạnh	K46KTĐ.01
504	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	TC083104044	Trần Văn	Nam	TC08KXD.01

505	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	BN10X-028	Đình Đức Quang	Nguyễn	BN10KXD.01
506	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951020251	Hoàng Thanh	Phong	K46TĐH.03
507	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	HP09M-028	Nguyễn Thái	Sơn	HP09CTM.01
508	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	BN08X-050	Biện Xuân	Thành	BN08KXD.01
509	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	TC10I-008	Vũ Đức	Thành	YB09TĐH.01
510	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	BN09I-054	Phạm Xuân	Thức	BN09TĐH.01
511	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	BN09X-077	Vũ Trọng	Thuấn	BN09KXD.01
512	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	TC10I-009	Nguyễn Minh	Tiến	YB09TĐH.01
513	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	0971010074	Nguyễn Quốc	Trưởng	K1KC-HHT
514	Vẽ kỹ thuật	MEC101	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851030357	Trần Văn	Tuấn	K45KMT.01
515	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010457	Nguyễn Ngọc	An	K45CLK.01
516	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	CN06X-001	Phạm Ngọc	Bảo	TC08KXD.01
517	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	HC10X-006	Nguyễn Mạnh	Cường	HC10KXD.01
518	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	11511120001	Trần Hùng	Cường	LT12 KXC.01
519	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	HC09X-013	Lương Văn	Dương	HC09KXD.01
520	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	HC09X-010	Dương Văn	Dũng	HC09KXD.01
521	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	TC09X-013	Nguyễn Văn	Dự	TC09KXD.02
522	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	VP09I-020	Trần Văn	Hà	VP09TĐH.01
523	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	VP09I-028	Phạm Văn	Hùng	VP09TĐH.01
524	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	VY08I-015	Đỗ Văn	Hiệp	VY08I-TĐH
525	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	TC09M-026	Nguyễn Trọng	Mạnh	TC09CTM.01
526	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	TC083104044	Trần Văn	Nam	TC08KXD.01
527	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051030252	Nguyễn Văn	Nghĩa	K46KMT.01
528	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	CN06X-054	Nguyễn Văn	Quỳnh	TC08KXD.01
529	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051040135	Tạ Văn	Tập	K46KXC.02
530	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	TC09X-053	Tạ Văn	Thắng	TC09KXD.02
531	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951070085	Tô Thanh	Tùng	K46QLC.01
532	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	BN10I-156	Vũ	Trọng	BN10HTĐ.01
533	Đại cương về kỹ thuật	MEC201	Thiết kế cơ khí	3	BN10I-159	Trần Anh	Tuấn	BN10HTĐ.01
534	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010542	Thân Văn	Đồng	K46CCM.04
535	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	1111060317	Nguyễn Mạnh	Cường	K42CCM.02
536	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010329	Trần Duy	Cường	K46KCK.01
537	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010156	Đào Văn	Chiến	K46CLK.01
538	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	11110710620	Phạm Văn	Duy	K43CCM.05
539	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	K46CLK.01
540	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010267	Phạm Đình	Hưởng	K46CĐT.01
541	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010269	Nguyễn Thế	Hiển	K46CCM.06
542	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010589	Bùi Phó	Hiện	K46CCM.07
543	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951060103	Nguyễn Văn	Hưng	K45SCK.01

544	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010359	Hứa Chung	Lâm	K46CCM.06
545	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010283	Nguyễn Văn	Mạnh	K46CCM.01
546	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010915	Nguyễn Đình	Nhật	K46KCK.01
547	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010410	Hoàng Văn	Quân	K45CLK.01
548	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010454	Phạm Hùng	Sơn	K46CCM.07
549	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	11110710433	Hoàng Trọng	Tấn	K43CĐT.01
550	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010211	Lỗ Bá	Thái	K45CCM.03
551	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010618	Tạ Hồng	Thái	K46CĐT.01
552	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010779	Nguyễn Duy	Thương	K46CCM.06
553	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010578	Cao Trọng	Thanh	K46CCM.05
554	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010859	Phạm Văn	Thế	K46CCM.02
555	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010546	Phạm Thanh	Tùng	K46CCM.01
556	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951040190	Nguyễn Ngọc	Toàn	K45KXC.03
557	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010370	Dương Công	Triệu	K46CCM.03
558	Cơ học vật liệu	MEC203	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010153	Trần Quang	Trung	K46CĐT.01
559	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010314	Trần Hải	Đăng	K45CĐL.01
560	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010594	Lương Phương	Đồng	K45CLK.01
561	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010672	Nguyễn Văn	Đạt	K44CCM.06
562	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010535	Triệu Tiến	Cường	K45CCM.06
563	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	11110710698	Phạm Đức	Hữu	KSCLC07M
564	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	TC083104028	Nguyễn Tuấn	Hùng	TC08CTM.01
565	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010351	Mã Văn	Hiếu	K46CCM.07
566	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010249	Đặng Quốc	Huy	K45KCK.01
567	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010597	Nguyễn Vũ	Khôi	K46CCM.05
568	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	11110710109	Đinh Xuân	Khải	K43KCK.01
569	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010608	Nguyễn Xuân	Kiên	K45CCM.09
570	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010603	Trương Văn	Mạnh	K46CCM.07
571	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010196	Nguyễn Văn	Nhơn	K45CCM.03
572	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010616	Thân Nhân	Tân	K46CCM.05
573	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010618	Tạ Hồng	Thái	K46CĐT.01
574	Nguyên lý máy	MEC303	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010778	Tào Văn	Thái	K46CCM.02
575	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010019	Nguyễn Văn	Đào	K46CCM.05
576	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	BN10X-123	Lê Quang	Độ	BN10KXD.01
577	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	HC10X-002	Tô Tiến Nguyên	Anh	HC10KXD.01
578	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951040016	Bùi Chí	Dũng	K45KXG.01
579	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951060160	Dương Mạnh	Hà	K46SCK.01
580	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	11110710483	Dương Văn	Hưng	K43CĐT.01
581	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851060088	Lý Hoàng	Hưng	K46SCK.01
582	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí		11110710409	Dương Đức	Hoàng	K43CĐT.01

583	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	TC09M-026	Nguyễn Trọng	Mạnh	TC09CTM.01
584	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	HC10X-049	Vũ Tuấn	Ninh	HC10KXD.01
585	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010048	Lương Văn	Phương	K46CCM.04
586	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010779	Nguyễn Duy	Thương	K46CCM.06
587	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010702	Tổng Văn	Thao	K46CCM.07
588	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010859	Phạm Văn	Thế	K46CCM.02
589	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010546	Phạm Thanh	Tùng	K46CCM.01
590	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951040190	Nguyễn Ngọc	Toàn	K45KXC.03
591	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010358	Trần Quốc	Toàn	K45CCM.07
592	Sức bền vật liệu	MEC305	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010074	Lê Minh	Tuấn	K46CCM.04
593	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211004	Phạm Văn	Bộ	LTLK12 CTM
594	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010329	Trần Duy	Cường	K46KCK.01
595	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010332	Nguyễn Thành	Chung	K46CCM.06
596	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211017	Vũ Quang	Dũng	LTLK12 CTM
597	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211021	Nguyễn Trường	Giang	LTLK12 CTM
598	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010249	Đặng Quốc	Huy	K45KCK.01
599	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010036	Hòa Quang	Huy	K46CCM.04
600	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	0971010042	Bùi Văn	Liêm	K1KC-HHT
601	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211040	Hoàng Minh	Lợi	LTLK12 CTM
602	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211044	Vũ Quang	Mạnh	LTLK12 CTM
603	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010045	Đồng Canh	Ngô	K46CCM.07
604	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010055	Trần Đức	Quân	K45CCM.01
605	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010050	Nguyễn Văn	Quang	K46CĐT.01
606	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	11511111081	Hoàng Đại	Sơn	LT11 CTM.02
607	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010211	Lỗ Bá	Thái	K45CCM.03
608	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211060	Triệu Đức	Thắng	LTLK12 CTM
609	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010578	Cao Trọng	Thanh	K46CCM.05
610	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010385	Lê Thanh	Tùng	K46CCM.02
611	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010389	Nguyễn Mạnh	Tứ	K46CĐT.01
612	Chi tiết máy	MEC306	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010160	Trần Văn	Việt	K46KCK.01
613	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK1051050033	Nguyễn Thành	Công	K46KTM.01
614	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	TC083104028	Nguyễn Tuấn	Hùng	TC08CTM.01
615	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí		11110710409	Dương Đức	Hoàng	K43CĐT.01
616	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK1051010202	Quách Đại	Lưu	K46CCM.04
617	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK1051010362	Nguyễn Văn	Luân	K46CCM.03
618	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK0951010221	Nguyễn Văn	Tĩnh	K45CCM.03
619	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK1051010618	Tạ Hồng	Thái	K46CĐT.01
620	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK0951010147	Phạm Văn	Trung	K46CCM.02
621	Vẽ kỹ thuật Cơ khí	MEC307	Thiết kế cơ khí	2	DTK1051010475	Nguyễn Duy	Tuấn	K46CCM.06

622	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010594	Lương Phương	Đông	K45CLK.01
623	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010672	Nguyễn Văn	Đạt	K44CCM.06
624	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010692	Ngô Văn	Định	K46CCM.04
625	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	CN11511211001	Nguyễn Tuấn	Anh	LTCN12 CTM
626	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010535	Triệu Tiến	Cường	K45CCM.06
627	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	CN11511211022	Nguyễn Xuân	Giang	LTCN12 CTM
628	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	CN11511211024	Đặng Ngọc	Hải	LTCN12 CTM
629	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	11511212006	Nghiêm Xuân	Hanh	LTCN12 CTM
630	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951060171	Hoàng Văn	Hùng	K46SCK.01
631	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	CN11511211028	Đỗ Thế	Hiệp	LTCN12 CTM
632	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	VP08M-026	Đỗ Trí	Hưng	VP08CTM.01
633	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	CN11511211031	Nguyễn Đình	Huân	LTCN12 CTM
634	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010714	Diêm Công	Huỳnh	K45CCM.08
635	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010359	Hứa Chung	Lâm	K46CCM.06
636	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK1051010604	Phan Văn	Nam	K46ĐT.01
637	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0851010486	Nguyễn Canh	Ngọ	K46CCM.03
638	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	LK11511211061	Nguyễn Chí	Thành	LTLK12 CTM
639	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	11110710745	Võ Quốc	Toàn	K45CCM.03
640	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010809	Khuong Văn	Toàn	K45CCM.09
641	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	CN11511211085	Phạm Hữu	Triển	LTCN12 CTM
642	Thiết kế sản phẩm với CAD	MEC421	Thiết kế cơ khí	3	DTK0951010147	Phạm Văn	Trung	K46CCM.02
643	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	HC10X-003	Nguyễn Bá	Bình	HC10KXD.01
644	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	BN10I-135	Nguyễn Mạnh	Cường	BN10HTĐ.01
645	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	DTK0851060088	Lý Hoàng	Hưng	K46SCK.01
646	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	1141100005	Lờ Lao	Lữ	K46HTĐ.01
647	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	1141060043	Bùi Huy	Tùng	K45TĐH.10
648	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	BN10I-156	Vũ	Trọng	BN10HTĐ.01
649	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	XD09X-001	Nguyễn Anh	Tuấn	
650	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	BN10I-159	Trần Anh	Tuấn	BN10HTĐ.01
651	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	DTK1051020685	Tào Văn	Tuấn	K46HTĐ.02
652	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	TEE201	Tin Học Công Nghiệp	3	HC10X-078	Triệu Thế	Viêm	HC10KXD.01
653	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	DTK0951020718	Trần Tuấn	Anh	K45TĐH.02
654	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	DTK1051030288	Nguyễn Thanh	Bình	K46ĐĐK.02
655	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	VPT09I-004	Trần Nam	Chung	VPT09HTĐ.01
656	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	DTK0951020152	Tạ Quang	Doãn	K46ĐVT.01
657	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	DTK0951010649	Hạng Văn	Quyển	K46CVL.01
658	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	VP10I-026	Đào Hữu	Quyết	VP09TĐH.01
659	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	BN09I-054	Phạm Xuân	Thức	BN09TĐH.01
660	Phân tích hệ thống	ELE301	Tự động hóa	3	LK1151111426	Nguyễn Quang	Trọng	LTLK11 CDL

661	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	DTK0951020081	Lê Ngọc	Cường	K46TĐH.02
662	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	DTK0951020602	Bùi Huy	Khởi	K46TĐH.01
663	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	DTK0951020168	Vũ Duy	Kiểm	K46TĐH.02
664	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	1141070029	Đinh Văn	Ngọc	K46TĐH.04
665	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	VY08I-043	Đỗ Xuân	Quang	VY08I-TĐH
666	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	1141060043	Bùi Huy	Tùng	K45TĐH.10
667	Điều khiển logic và PLC	ELE413	Tự động hóa	3	DTK1051020239	Trần Văn	Trường	K46TĐH.02
668	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK0851020474	Tào Minh	Công	K45TĐH.01
669	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK0951020011	Phùng Quang	Hà	K46TĐH.01
670	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK0951020021	Nguyễn Văn	Hùng	K45TĐH.01
671	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK1051020123	Nguyễn Văn	Mạnh	K46KTĐ.01
672	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK1051020145	Nguyễn Văn	Thọ	K46KTĐ.01
673	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK1051020236	Trần Ngọc	Tú	K46KTĐ.01
674	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK1051010475	Nguyễn Duy	Tuấn	K46CCM.06
675	Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	ELE525	Tự động hóa	4	DTK0951020644	Trần Bảo	Việt	K46TĐH.01
676	LAB403 - CL2	L403L2	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11110710501	Nguyễn Tiến	Ninh	K43KCK.01
677	LAB502 - CK1	L502C1	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
678	LAB502 - CK2	L502C2	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
679	LAB502 - CK2	L502C2	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051010746	Trần Văn	Hồng	K46CCM.05
680	LAB502 - CK3	L502C3	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
681	LAB502 - CK4	L502C4	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK0851010486	Nguyễn Canh	Ngọ	K46CCM.03
682	LAB502 - CK5	L502C5	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11110710310	Trần Văn	Cảnh	K43CCM.03
683	LAB502 - CK6	L502C6	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051010541	Thân Văn	Thắng	K46CCM.06
684	LAB505 - HT2	L505H2	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051020685	Tào Văn	Tuấn	K46HTĐ.02
685	LAB505 - HT4	L505H4	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051020053	Đặng Kim	Sơn	K46HTĐ.01
686	LAB505 - HT5	L505H5	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051020053	Đặng Kim	Sơn	K46HTĐ.01
687	LAB505 - HT6	L505H6	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051020047	Đinh Xuân	Phương	K46HTĐ.01
688	LAB505 - HT6	L505H6	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051020053	Đặng Kim	Sơn	K46HTĐ.01
689	LAB507 - DK4	L507K4	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051030293	Phạm Quang	Dương	K46ĐĐK.02
690	LAB507 - DK6	L507K6	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051030293	Phạm Quang	Dương	K46ĐĐK.02
691	LAB508 - CNM1	L508M1	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050016	Nguyễn Thị	Lệ	K46KTM.01
692	LAB508 - CNM1	L508M1	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
693	LAB508 - CNM2	L508M2	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
694	LAB508 - CNM3	L508M3	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
695	LAB508 - CNM4	L508M4	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
696	LAB508 - CNM5	L508M5	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
697	LAB508 - CNM6	L508M6	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
698	LAB508 - CNM7	L508M7	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051050028	Dương Huyền	Trang	K46KTM.01
699	LAB517 - AT1	L517T1	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11511241011	Nguyễn Anh	Đức	LTLK12 TĐH

700	LAB517 - AT2	L517T2	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	11511241011	Nguyễn Anh	Đức	LTLK12 TĐH
701	LAB517 - AT4	L517T4	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK1051020022	Dương Minh	Hào	K46TĐH.01
702	LAB517 - AT4	L517T4	văn phòng trng tâm thí nghiệm	0	DTK0851020226	Liêu Minh	Tiến	K45TĐH.05
703	WSH301 - Bào	W301BO	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
704	WSH301 - Phay	W301FY	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
705	WSH301 - Hàn	W301HA	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
706	WSH301 - Mài	W301MA	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
707	WSH301 - Mài	W301MA	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0851010486	Nguyễn Canh	Ngô	K46CCM.03
708	WSH301 - Ngươi	W301NG	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
709	WSH301 - Sửa chữa	W301SC	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	11110750003	Ngô Minh	Đức	K45KMT.01
710	WSH301 - Tiện	W301TI	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0851010486	Nguyễn Canh	Ngô	K46CCM.03
711	W304 - Đo lường	W304DL	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	K46CLK.01
712	W304 - Điện tử	W304DT	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	K46CLK.01
713	W304 - Máy điện	W304MD	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	K46CLK.01
714	W304 - Trang bị	W304TB	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	K46CLK.01
715	WSH412 - Mài	W412MA	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0951010212	Chu Minh	Thắng	K46CCM.02
716	WSH412 - Tiện	W412TI	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK0951010212	Chu Minh	Thắng	K46CCM.02
717	WSH416 - Đo lường	W416DL	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK1051060033	Trần Xuân	Tứ	K46SKĐ.01
718	WSH416 - Điện tử	W416DT	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK1051060033	Trần Xuân	Tứ	K46SKĐ.01
719	WSH416 - Máy điện	W416MD	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK1051060033	Trần Xuân	Tứ	K46SKĐ.01
720	WSH416 - Trang bị	W416TB	Văn phòng TT Thực nghiệm	0	DTK1051060033	Trần Xuân	Tứ	K46SKĐ.01
721	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	HP09I-102	Nguyễn Tuấn	Cường	HP09HTĐ.01
722	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	DTK0951020435	Đoàn Văn	Chiến	K46TĐH.03
723	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	11110710698	Phạm Đức	Hữu	KSCLC07M
724	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	TC10X-053	Nhữ Văn	Hùng	TC10KXD.02
725	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	DTK0851030104	Đặng Đức	Khánh	K45ĐĐK.01
726	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	DTK0951030256	Lê Văn	Lợi	K46ĐVT.01
727	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	DTK0951020112	Đào Đình	Phẩm	K45TĐH.03
728	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	1122072059	Lý Ngọc	Thành	TC07KXD.01
729	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	LK11511211059	Trần Ngọc	Thắng	LTLK12 CTM
730	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	DTK0951010578	Cao Trọng	Thanh	K46CCM.05
731	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	11110750061	Nguyễn Văn	Tiến	K43KMT.01
732	Vật lý I	BAS111	Vật lý	3	DTK0951020278	Nguyễn Văn	Tuấn	K46TĐH.03
733	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	TC083104015	Triệu Xuân	Đoàn	TC08KXD.01
734	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	CN06X-001	Phạm Ngọc	Bảo	TC08KXD.01
735	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	BK10X-006	Nguyễn Ngọc	Bảy	BK10KXD.01
736	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	CN06X-018	Nguyễn Bá	Duy	CN06X
737	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	TC083104018	Bùi Thị Thu	Hàng	TC08KXD.01
738	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	HC10X-043	Đặng Duy	Mạnh	HC10KXD.01

739	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	TC083104043	Khúc Văn	Mùng	TC08KXD.01
740	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	CN06X-054	Nguyễn Văn	Quỳnh	TC08KXD.01
741	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	HC10X-057	Nguyễn Ngọc	Sơn	HC10KXD.01
742	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	HC09X-033	Nguyễn Duy	Tân	HC09KXD.01
743	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	DTK1051040135	Tạ Văn	Tập	K46KXC.02
744	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	11110720084	Nguyễn Hữu	Thìn	K43KXC.01
745	Cơ học đất	FIM310	Xây dựng	3	TC083104057	Phạm Quang	Thành	TC08KXD.01
746	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	DTK0851040079	Nguyễn Kim	Hơn	K45KXC.03
747	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	TC09X-074	Phạm Quang	Hiển	TC09KXD.02
748	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	TC09X-077	Đình Mạnh	Hoàng	TC09KXD.02
749	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	TC09X-076	Nguyễn Đức	Hòa	TC09KXD.02
750	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	TC09X-082	Phan Anh	Liên	TC09KXD.02
751	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	CN06X-054	Nguyễn Văn	Quỳnh	TC08KXD.01
752	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	DTK1051040135	Tạ Văn	Tập	K46KXC.02
753	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	11110720084	Nguyễn Hữu	Thìn	K43KXC.01
754	Kết cấu thép 1	FIM424	Xây dựng	3	YB09X-064	Nguyễn Thanh	Tuấn	YB09KXD.01
755	Thực tập công nhân Điện - Điện tử	WSH416	Xưởng điện	3	DTK1051020128	Đỗ Bình	Nguyên	K46TĐĐ.01
756	TTCS Khối ngành Cơ - Điện - Điện tử	WSH301	Xưởng Cơ khí	2	DTK0951020647	Nguyễn Hùng	Anh	K45TĐH.01
757	Thực tập KT ngành Kỹ thuật phân cứng	WSH406	Xưởng Cơ khí	2	DTK1051030411	Khổng Tuấn	Phong	K46KMT.01